

Bản án số: 137/2024/DS-PT

Ngày: 12/7/2024

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Văn Lộc**

Bà **Đặng Thị Ánh Bình**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Kim Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*

Bà **Trần Ngọc Bích** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST, ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 183/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị N** – Sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Phan Hoàng D** – Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1/ Ông **Đoàn Văn H** - Sinh năm 1943 (Vắng mặt)

2/ Ông **Đoàn Thanh B** – Sinh năm 1978 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Đoàn Văn H: Ông **Đoàn Thanh B** - nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (theo Giấy ủy quyền ngày 01/7/2024 – Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trương Hoàng D1** – Sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà **Trương Thị N** – Nguyên đơn.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện ngày 15/5/2023 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương Thị N trình bày:*

Bà **Trương Thị N** là chủ sử dụng thửa đất số 57, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.288,4m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh

Long. Giáp với thửa đất 57 của bà N là thửa đất số 638 và thửa đất số 639 của ông Đoàn Văn H. Trên các thửa đất của ông H, ông H và con trai ông H là ông ông Đoàn Thanh B có trồng một hàng cây tràm (loại tràm nước), cặp với ranh đất của bà N. Sau nhiều năm, tràm rụng bông và mọc rất nhiều cây tràm con trên đất của bà N làm ảnh hưởng đến việc canh tác đất và cho thuê đất của bà; giá đất cho thuê là 30.000.000đồng/1năm/6.288,4m². Bà N khẳng định tràm mọc rất nhiều trên đất của bà là do nguyên nhân từ các cây tràm của ông H và ông B. Bà N đã nhiều lần yêu cầu ông H và ông B khắc phục nhưng vẫn không có kết quả. Do đó, bà N yêu cầu ông H và ông B có trách nhiệm dọn sạch rễ tràm và cây tràm trên đất của bà thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.288,4m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; buộc ông H và ông B có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà với số tiền là 30.000.000đ; ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Đoàn Thanh B và ông Đoàn Văn H (do ông Đoàn Thanh B đại diện) trình bày:

Ông Đoàn Thanh B là con của ông Đoàn Văn H. Ông H có 02 thửa đất số 638 và 639 giáp ranh đất của bà Trương Thị N. Ông B cho rằng gia đình ông trồng một hàng cây tràm (loại tràm nước) chạy dọc theo ranh đất phía giáp với đất của bà N. Khi tràm lớn, mỗi năm ông B đều có qua dọn cây và lượm nhánh tràm rụng qua phần đất bà N. Theo ông B, các cây tràm mọc trên đất của bà N chưa hẳn là do các cây tràm của gia đình ông rụng bông mọc vì ở khu vực đó cũng có hàng tràm của người khác nhưng không có tràm mọc trên đất. Do đó, ông B và ông H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N; ông B đề nghị bà N đào một con mương chạy dài cặp với ranh đất của ông H, như vậy sẽ không ảnh hưởng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Hoàng D1 (do bà Trương Thị N đại diện) trình bày: Ông D1 thống nhất với ý kiến của bà N.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 26/3/2024, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N.

- Buộc ông Đoàn Văn H, ông Đoàn Thanh B bồi thường thiệt hại số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) cho bà Trương Thị N.

Không chấp nhận việc bà Trương Thị N yêu cầu ông Đoàn Văn H, ông Đoàn Thanh B dọn sạch rễ tràm ăn xuyên qua đất của bà N.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh B về việc chặt hàng tràm (54 cây) trên đất của ông Đoàn Văn H.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản số tiền: 2.000.000đồng.

Bà Trương Thị N đã nộp đủ 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Buộc ông Đoàn Văn H, ông Đoàn Thanh B nộp 1.000.000đ (Một triệu đồng) hoàn trả bà Trương Thị N.

3/ Về án phí dân sự: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trương Thị N, ông Đoàn Văn H thuộc trường hợp người cao tuổi.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo luật định.

- Ngày 08/4/2024, nguyên đơn Trương Thị N kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Đoàn Văn H và ông Đoàn Thanh B có trách nhiệm dọn sạch hàng trăm và rễ trăm ăn xuyên qua đất của bà N thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.288,4m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; buộc ông H và ông B có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà N với số tiền là 30.000.000đ.

- Ngày 10/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long kháng nghị Bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long do Bản án sơ thẩm có những vi phạm như: Áp dụng pháp luật về bồi thường thiệt hại, tính chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ và tính án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, cụ thể:

+ Khoản 2 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị mất, bị giảm sút”. Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Đoàn Văn H và ông Đoàn Thanh B bồi thường thiệt hại số tiền 6.000.000đ cho bà Trương Thị N với một phần lỗi là do hàng trăm phát tán rụng bông làm mọc cây tràm con trên đất bà N là không đúng bởi vì: Nguyên nhân chính là do bà N không trồng lúa đúng mùa vụ; căn cứ vào việc thu hoạch lúa để xác định giá trị sau thu hoạch có bị giảm sút so với những năm trước hay không thì mới có căn cứ để xác định mức bồi thường thiệt hại; mặt khác, bà N và ông D1 không canh tác đất liên tục tạo điều kiện thuận lợi cho các cây dại phát triển, trong đó có cây tràm.

+ Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị N nhưng buộc mỗi bên đương sự chịu 50% của số tiền 2.000.000đ (chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ) là chưa đúng, gây thiệt hại cho các bị đơn Đoàn Văn H, Đoàn Thanh B bởi vì phần không được chấp nhận của bà N là 80%, tương ứng với số tiền 1.600.000đ, còn phần ông H và ông B phải chịu là 20%, tương ứng với số tiền 400.000đ.

+ Bản án sơ thẩm tuyên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trương Thị N và ông Đoàn Văn H nhưng không tuyên buộc ông Đoàn Thanh B chịu phần án phí 150.000đ là vi phạm khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Ông Đoàn Thanh B và ông Đoàn Văn H sẽ đốn toàn bộ hàng trăm gồm 46 cây tràm của ông H và ông B trồng cận ranh thửa đất 57 (nay là thửa 729 và thửa 730) của bà N và ông D1; xén phần rễ trăm ăn xuyên qua đất của bà N và ông D1; sửa lại hàng rào cho thẳng, không để hàng rào nghiêng qua thửa đất 57 (nay là thửa 729 và thửa 730) của bà N và ông D1. Thời hạn thực hiện: Từ ngày xét xử phúc thẩm cho đến hết Tháng 8/2024.

Bà N yêu cầu ông B và ông H phải dọn dẹp sạch các cây tràm trên đất của bà và ông D1, nếu không đồng ý thì phải bồi thường thiệt hại bằng tiền cho bà N với số tiền là 30.000.000đ. Ông B và ông H không đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm đối với phần hàng trăm

và hàng rào của ông H và ông B cạy ranh đất của bà N và ông D1; đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N về phần bồi thường thiệt hại do tràm của ông H và ông B gây ra cho bà N khiến bà N không sử dụng đất và không cho thuê đất được. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Hoàng D1 thống nhất với ý kiến của bà Trương Thị N.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Viện kiểm sát rút lại một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh về nội dung bản án sơ thẩm tuyên buộc ông H và ông B bồi thường thiệt hại cho bà N 6.000.000đ.

Đề nghị áp dụng Điều 284 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần bồi thường thiệt hại 6.000.000đ mà Viện kiểm sát đã rút kháng nghị;

Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đối với phần chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ và phần án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã rút lại kháng nghị về phần bồi thường thiệt hại và giữ nguyên kháng nghị về phần án phí và chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ. Do đó, căn cứ Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị mà Viện kiểm sát đã rút.

[2] Nguyên đơn Trương Thị N thay đổi một phần kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm về hình thức bồi thường thiệt hại, cụ thể: Yêu cầu các bị đơn Đoàn Văn H và Đoàn Thanh B có nghĩa vụ thực hiện việc dọn sạch các cây tràm trên thửa đất của nguyên đơn, nếu ông H và ông B không đồng ý thì phải bồi thường thiệt hại cho bà N bằng tiền là 30.000.000đ. Xét thấy, việc thay đổi kháng cáo này của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên về tố tụng Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi kháng cáo này của nguyên đơn.

[3] Đối với kháng cáo của nguyên đơn Trương Thị N về việc buộc ông Đoàn Văn H và ông Đoàn Thanh B dọn sạch hàng tràm và rễ tràm ăn xuyên qua đất của bà N và ông D1, xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trương Thị N, ông Trương Hoàng D1, ông Đoàn Thanh B và ông Đoàn Văn H (do ông B đại diện) thống nhất thỏa thuận: Ông Đoàn Thanh B và ông Đoàn Văn H có nghĩa vụ đốn toàn bộ 46 cây tràm của ông H và ông B trồng cạy ranh đất của bà N và ông D1; xén toàn bộ phần rễ tràm ăn xuyên qua đất của bà N và ông D1 tại thửa đất 57 (nay là thửa 729 và thửa 730), tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; thời hạn thực hiện là từ ngày xét xử phúc thẩm đến hết tháng 8/2024 (ngày 31/8/2024). Xét thấy, sự thỏa thuận này của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Đối với hàng rào của ông Đoàn Văn H và ông Đoàn Thanh B cạy ranh đất của bà Trương Thị N và ông Trương Hoàng D1, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết phần này nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn tự nguyện sửa lại hàng rào cho thẳng, không đề nghị qua không gian thửa đất 57 (nay là thửa 729 và thửa 730) của bà N và ông D1; thời hạn sửa là từ ngày xét xử phúc thẩm đến hết tháng 8/2024 (ngày 31/8/2024). Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị đơn.

[5] Đối với kháng cáo của bà Trương Thị N về việc buộc ông Đoàn Văn H và ông Đoàn Thanh B phải có nghĩa vụ thực hiện công việc dọn sạch những cây tràm trên thửa đất của bà N, nếu ông H và ông B không đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000đ cho bà N, xét thấy:

[5.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N cho rằng ông H và ông B đã trồng một hàng tràm (loại tràm nước) cạy ranh đất của bà N; tràm của ông H và ông B có một phần tán lá nằm trên không gian đất của bà N, quả tràm có rơi qua đất của bà N nên đây là nguyên nhân khiến cho tràm sinh sôi phát triển trên đất của bà N. Ông B đại diện cho phía bị đơn thừa nhận hàng tràm cạy ranh đất của bà N là của ông H và ông B, các nhánh tràm (có quả) từ các cây tràm của ông H và ông B có rơi qua đất của bà N; tuy nhiên, ông B không đồng ý dọn sạch tràm trên đất của bà N vì ông cho rằng ông có nhặt nhánh tràm (có quả) rơi qua đất của bà N, tràm sinh sôi phát triển trên đất của bà N là không phải do tràm của gia đình ông gây ra.

[5.2] Theo Công văn số 58/CCKL&QLCL ngày 09/7/2024, Chi cục Kiểm lâm và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh V cho biết đặc điểm hình thái của tràm như sau: Quả tràm có khoảng 150-180 hạt nhỏ có hình trứng phía trong; khi chín nắp quả sẽ tự nứt ra thành 3 mảnh nhỏ làm hạt rơi rụng ra môi trường bên ngoài và có thể phát tán theo gió hoặc nguồn nước, khi gặp điều kiện thuận lợi có thể phát triển thành cây non; tràm sinh trưởng mạnh vào mùa mưa; tràm có tốc độ tăng trưởng rất nhanh... Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thể hiện: Trên đất của bà N và ông D1 có tràm nhỏ (cao khoảng 2m đến 4m) mọc với mật độ dày đặc xen lẫn với cỏ dại; hướng gió thổi là từ hướng đất của ông H thổi sang hướng đất của bà N và ông D1; các cây tràm của ông H và ông B nằm cạy ranh đất của bà N và ông D1 có 46 cây còn sống và 36 gốc cây; các cây tràm này có một phần tán lá nằm trên không gian thửa đất 57 của bà N và ông D1, rễ tràm ăn xuyên qua đất của bà N và ông D1; thửa đất 57 của bà N và ông D1 có vài nhánh tràm (có quả) rơi trên đất; xung quanh thửa đất 57 chỉ có hàng tràm (vườn tràm) của ông H và ông B, không có vườn tràm nào khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận khi đất của bà N và ông D1 được cải tạo, canh tác thì không có tràm con mọc, khi đất của bà N và ông D1 để trống, không cải tạo, canh tác thì tràm con sinh sôi phát triển trên đất. Lờ trình bày này của các đương sự phù hợp với đặc điểm hình thái của tràm theo Công văn số 58/CCKL&QLCL ngày 09/7/2024 của Chi cục Kiểm lâm và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh V, phù hợp với nội dung Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/6/2024 của Tòa án.

[5.3] Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tràm (loại tràm nước) sinh sôi phát triển trên đất của bà N và ông D1 tại thửa đất 57, diện tích 6.288,4m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long là do tràm (loại tràm nước) của ông H và ông B trồng cạy ranh đất bà N và ông D1 gây ra; tràm sinh sôi phát triển trên đất của bà N và ông D1 rất nhiều khiến cho việc sử dụng đất của bà N và ông D1 bị ảnh hưởng, không canh tác được. Tuy nhiên, việc tràm sinh sôi phát

triển trên đất của bà N và ông D1 còn có nguyên nhân từ phía bà N và ông D1, cụ thể là do bà N và ông D1 không cải tạo đất, không trồng lúa liên tục theo mùa vụ mà ông bà đã để đất trống, tạo điều kiện thuận lợi cho tràm và cỏ dại sinh sôi phát triển. Do vậy, bà N, ông D1 và ông H, ông B có lỗi ngang nhau nên mỗi bên phải chịu một phần thiệt hại tương ứng với lỗi của mình. Do ông H và ông B không đồng ý dọn dẹp tràm trên đất của bà N và ông D1, bà N và ông D1 cũng có một phần lỗi nên yêu cầu của bà N (được ông D1 chồng bà N thống nhất) về việc buộc ông H và ông B bồi thường thiệt hại cho bà N với hình thức bằng tiền là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét thấy, Bản án sơ thẩm đã xác định mức thiệt hại là 30.000.000đ để làm cơ sở xem xét trách nhiệm bồi thường nhưng các bị đơn không ai kháng cáo phần này, Viện kiểm sát cũng không kháng nghị nội dung này; do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất lấy mức thiệt hại 30.000.000đ để làm cơ sở giải quyết vụ án. Do bà N, ông D1 và ông H, ông B có lỗi ngang nhau nên hai bên phải chịu thiệt hại tương ứng với phần lỗi của mình, cụ thể là bà N và ông D1 chịu 50% thiệt hại với số tiền là 15.000.000đ (50% x 30.000.000đ); ông H và ông B phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà N 50% thiệt hại với số tiền là 15.000.000đ (50% x 30.000.000đ). Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà N và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N về số tiền bồi thường thiệt hại như nhận định trên.

[6] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long về việc sửa bản án sơ thẩm về phần chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ và phần án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy:

Bản án sơ thẩm xác định lỗi của nguyên đơn là 80%, của bị đơn là 20% nhưng lại buộc nguyên đơn và bị đơn chịu chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ ngang nhau là không đúng quy định tại Điều 157 và 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông H và ông B có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà N nhưng về án phí dân sự sơ thẩm thì Bản án chỉ tuyên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông H do ông H là người cao tuổi mà không tuyên buộc ông B chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử sửa lại bản án sơ thẩm về chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy, do phần lỗi của nguyên đơn, bị đơn và số tiền bồi thường thiệt hại đã được xác định lại như nhận định trên nên phần chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ và phần án phí dân sự sơ thẩm cũng được xác định lại cho phù hợp, cụ thể:

- Chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm là 2.000.000đ. Do yêu cầu của bà N được chấp nhận một phần nên bà N và ông H, ông B mỗi bên **chịu một** nửa chi phí này bằng 1.000.000đ (bà N chịu 1.000.000đ; ông H và ông B chịu 1.000.000đ).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N và ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: $(15.000.000đ : 2) \times 5\% = 375.000đ$.

Như vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long về phần chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận một phần.

[7] Do đó, căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm như một phần nội dung đề nghị của Kiểm

sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

[8] Về chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 1.410.000đ. Do yêu cầu của bà N được chấp nhận một phần nên bà N phải chịu một nửa bằng 705.000đ, ông H và ông B phải chịu một nửa bằng 705.000đ.

Như vậy, tổng cộng chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm mà bà N và ông H, ông B mỗi bên phải chịu là 1.705.000đ (1.000.000đ + 705.000đ). Do bà N đã nộp tạm ứng nên được khấu trừ; ông H và ông B có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà N số tiền 1.705.000đ.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 284, Điều 289, Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long về phần bồi thường thiệt hại của Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trương Thị N.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 175, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 148, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Ông Đoàn Thanh B và ông Đoàn Văn H có nghĩa vụ đôn toàn bộ 46 (Bốn mươi sáu) cây tràm của ông H và ông B trồng cặp ranh đất của bà Trương Thị N và ông Trương Hoàng D1 và xén toàn bộ phần rễ tràm ăn xuyên qua đất của bà N và ông D1 tại thửa đất 57 (nay là thửa 729 và thửa 730), tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Thời hạn ông Đoàn Văn H và ông Đoàn Thanh B thực hiện các công việc nêu trên: Từ ngày xét xử phúc thẩm - ngày 12/7/2024 đến ngày 31/8/2024.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của các bị đơn như sau:

Ông Đoàn Văn H và ông Đoàn Thanh B tự nguyện sửa lại hàng rào cặp ranh đất của bà Trương Thị N và ông Trương Hoàng D1, không để hàng rào nghiêng qua không gian thửa đất 57 (nay là thửa 729 và thửa 730), tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long của bà N và ông D1.

Thời hạn ông Đoàn Văn H và ông Đoàn Thanh B thực hiện công việc nêu trên: Từ ngày xét xử phúc thẩm - ngày 12/7/2024 đến ngày 31/8/2024.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N.

Buộc ông Đoàn Văn H và ông Đoàn Thanh B có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Trương Thị N số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Về chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bà Trương Thị N chịu 1.705.000đ (Một triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng) chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ (bà N đã nộp xong).

Ông Đoàn Văn H và ông Đoàn Thanh B chịu 1.705.000đ (Một triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng) chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ; số tiền này, ông H và ông B có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Trương Thị N.

5/ Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trương Thị N và ông Đoàn Văn H. Ông Đoàn Thanh B chịu 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Trương Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND thị xã Bình Minh;
- Chi cục THADS thị xã Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà